

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**
Bản án số: 85/2021/HS-ST
Ngày: 24-6-2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Lan Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Tuấn và bà Trịnh Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **83/2021/QĐXXST-HS** ngày 09 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 01 năm 1999 tại Anh Sơn, Nghệ An; nơi đăng ký HKTT: Xóm A, xã S, huyện T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ph; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 18/3/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

*** Bị hại:**

1. Anh Nông Thành N, sinh năm: 1992; Nơi đăng ký HKTT tại: Thôn H, xã V, huyện X tỉnh Hà Giang; Chỗ ở: P M khu N tầng, ký túc xá khu Z, trường cao đẳng nghề than khoáng sản Việt Nam- Vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Anh Phạm Hồng H - Sinh năm 1978; Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã H, huyện M, tỉnh Hưng Yên; Chỗ ở: Tổ H, khu N, phường M, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.- vắng mặt (có đơn xin xử án vắng mặt).

*** Người làm chứng:** Anh Nguyễn Ngọc Đ; Anh Phạm Văn; Anh Nguyễn Văn N; Anh Nguyễn Hồng Đ; Chị Bùi Thị X- đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 26/7/2020, tại tổ M, khu B, phường Q, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Văn T đã có hành vi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, biển số 23H1-171.88 giá trị 15.000.000 đồng của anh Nông Thành N, sau đó mang cầm cố cho anh Phạm Hồng H lấy 10.000.000 đồng ăn tiêu hết, dẫn đến không có khả năng trả lại xe cho anh N, rồi bỏ trốn, bị bắt theo lệnh truy nã.

Tại phiên tòa bị cáo khai: Nguyễn Văn T và anh Nông Thành N là bạn học cùng trường cao đẳng nghề Than khoáng sản Việt Nam. Ngày 23/7/2020, anh N nhờ T đem đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 23H1-171.88 đi cầm cố cho anh Nguyễn Hồng Đ (trú tại tổ A, khu C, phường TR, thành phố Cẩm Phả) để lấy 3.000.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt. Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 26/7/2020, trong lúc T đang uống bia cùng anh N và một số bạn bè (trong đó có chị D là bạn của T nhưng không rõ địa chỉ) ở tổ M, khu B, phường Q, thành phố Cẩm Phả, thì T mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 23H1-171.88 của anh N để chở chị D về rồi quay lại uống bia tiếp nhưng vẫn cầm chìa khóa xe máy. Khoảng 20 phút sau mọi người ra về, T tiếp tục mượn xe của anh N để đi chơi. Anh N đồng ý. Đến 14 giờ cùng ngày, do cần tiền ăn tiêu, T đã đến nhà anh Đức để mượn lại giấy đăng ký xe mô tô, rồi mang xe cùng giấy tờ xe của anh N đến quán cầm đồ Xuân Thủy thuộc Tổ H, khu N, phường M cầm cố cho anh Phạm Hồng H lấy 10.000.000 đồng. Cầm cố xe xong T trả lại cho anh Đ 3.000.000 đồng. Sau khi ăn tiêu hết tiền, không có khả năng chuộc lại xe để trả cho anh N nên T đã bỏ trốn, đến ngày 18/3/2021 bị bắt theo quyết định truy nã.

Bị hại anh Nông Thành N vắng mặt tại phiên tòa xong có lời khai tại cơ quan điều tra thể hiện nội dung: Khoảng 11 giờ 20 phút trưa ngày 26/7/2020, T mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 23H1-171.88 của anh N để chở chị D(bạn T) về rồi quay lại uống bia tiếp nhưng vẫn cầm chìa khóa xe máy. Khoảng 20 phút sau mọi người ra về, T tiếp tục mượn xe của anh N để đi chơi. N đồng ý sau đó anh đã nhiều lần liên lạc với T thì không liên lạc được. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anh mới mua.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hồng H khai: anh là đại diện của hiệu cầm đồ Xuân Thủy. Ngày 26/7/2020 anh có cầm cố cho Nguyễn Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 23H1-171.88 với giá là 10.000.000đ(mười triệu đồng). Xe có đăng ký mang tên Nông Thành N, anh không biết việc T mượn xe N đi cầm cố vì T nói là T mua xe này của anh N, nhưng không còn giấy tờ mua bán. Nay anh yêu cầu bị cáo hoàn trả lại cho anh số tiền trên.

Người làm chứng anh Nguyễn Ngọc Đ; Anh Phạm Văn Vương; Anh Nguyễn Văn N; Chị Bùi Thị X có lời khai tại hồ sơ chứng kiến việc N cho T mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 23H1-171.88 ngày 26/7/2020. Anh Nguyễn Hồng Đ khai anh đã trả đăng ký xe cho T ngày 26/7/2020 và lấy lại số tiền 3.000.000đ đã đưa cho T trước đó;

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 65 ngày 25/9/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND thành phố Cẩm Phả, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha, biển số 23H1-171.88 giá định giá là 15.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 81/CT-VKSCP ngày 28/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cẩm Phả, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được qui định trong Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp xe mô tô đúng như bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại anh Nông Thành N về thời gian, địa điểm, vị trí và đặc điểm chiếc xe mô tô mà anh giao cho Nguyễn Văn T mượn vào ngày 26/7/2020. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa còn phù hợp với lời khai của anh Phạm Hồng H là người cầm cố xe cho bị cáo, phù hợp với lời khai những người làm chứng trong vụ án.

Với giá trị tài sản chiếm đoạt là 15.000.000đ(mười lăm triệu đồng) như Tại kết luận định giá tài sản số 65 ngày 25/9/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cẩm Phả đã xác định thì hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự nên có cơ sở chấp nhận lời luận tội của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đối với bị cáo tại phiên tòa.

[3] Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

Bị cáo là người là người trưởng thành, có đủ nhận thức và lý trí để hiểu được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm nhưng do tham lam, tư lợi muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên sau khi mượn được xe mô tô từ anh Nông Thành N, bị cáo đã mang tài sản đi cầm cố, lấy tiền ăn tiêu. Do không có khả năng chuộc lại tài sản trả cho anh N, bị cáo đã cắt đứt liên lạc với anh N và bỏ trốn sau đó bị bắt theo quyết định truy nã. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương, do đó cần có biện pháp xử lý nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên toà bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên có thể áp dụng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung; song xét bị cáo là đối tượng không có thu nhập ổn định nên không cần thiết áp dụng.

[6] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô biển số 23H1-171.88 cùng giấy đăng ký cho anh Nông Thành N, đến nay anh N không còn ý kiến nào khác nên không đề cập.

[7] Về phần dân sự: Anh Phạm Hồng H là chủ quán cầm đồ Xuân Thủy yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) là có cơ sở nên chấp nhận.

Đối với anh Phạm Hồng H có hành vi cầm cố xe mô tô cho Nguyễn Văn T, nhưng không biết do T phạm tội mà có nên hành vi không cấu thành tội phạm.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 175, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự

Tuyên bố: Nguyễn Văn T phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt ngày 18/3/2021.

Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự: Buộc bị cáo phải trả lại số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho anh Phạm Hồng H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Phạm Hồng H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền (trả không đủ, hoặc

không trả) cho anh Phạm Hồng H thì hàng tháng bị cáo Nguyễn Văn T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000đồng(hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh QN;
- VKSND TP.Cẩm Phả;
- Cơ quan CSĐT CA TP.Cẩm Phả;
- Cơ quan THA HS Công an TP.Cẩm Phả;
- Chi cục THADS TP.Cẩm Phả;
- Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thị Lan Anh